**Mẫu số 01**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  **CHỨC DANH: GIÁO SƯ**  **Mã hồ sơ: ………………….** |  |

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: □*)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

V

Ngành: ………Y Học………….; Chuyên ngành: Tai Mũi Họng

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ MINH KỲ

2. Ngày tháng năm sinh: …16/03/1967; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: …Việt Nam……;

V

Dân tộc: ………Kinh…………….; Tôn giáo: ………………không……………………..

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

V

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Hương Toàn-Huyện Hương Trà-Tỉnh Thừa Thiên Huế

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 7 Ngách 26/17 Nguyên Hồng-Láng Hạ-Đống Đa- Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 7 Ngách 26/17 Nguyên Hồng-Láng Hạ-Đống Đa- Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 02437735043.; Điện thoại di động: 0906266767;

E-mail:leminhky.ent@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 1984-1990: Học Y khoa tại Trường Đại học Y Huế

Từ 1992-1994: Học chuyên khoa Tai Mũi Họng tại Trường Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh.

Từ năm 1995 đến năm 2002:Học Nghiên cứu sinh tập trung tại Trường Đại học Y Hà Nội.

Từ năm 1998 đến năm 1999:Học Bác sĩ Nội trú Pháp tại bệnh viện-Trường Đại học Rennes-CH Pháp.

Từ năm 2003 đến 2020: Bác sĩ điều trị Khoa Ung bướu, Bệnh viện Tai Mũi Họng trung ương.

Năm 2006 : Học chuyên khoa Tai Mũi Họng nâng cao tại Bệnh viện-Trường Đại học Oita-Nhật Bản.

Từ năm 2009 đến 2010: Học chuyên khoa cấp II chuyển đổi chuyên ngành Tai Mũi Họng

Năm 2006 Trưởng Phòng quản lý NCKH-ĐT-BV Tai Mũi Họng TU.

Năm 2013 Trưởng Khoa Ung bướu- BV Tai Mũi Họng TU

Năm 2014 Học chuyên khoa Tai Mũi Họng nâng cao tại Trường Đại học Duke Hoa Kỳ

Năm 2016: Chủ nhiệm Bộ môn Tai Mũi Họng-Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Năm 2019 : Giám đốc TT Ung bướu và PT đầu cổ BV Tai Mũi Họng TU

Năm 2020: chuyển công tác đến Khoa Y Dược- Đại học Quốc Gia Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Chủ nhiệm Bộ môn TMH Học viên Y Dược học cổ truyền Việt Nam; Chức vụ cao nhất đã qua:.Trưởng Phòng, Trưởng Khoa; GĐ TT

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Y Dược-Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: 144 Xuân Thủy-Cầu Giấy- Hà Nội

Điện thoại cơ quan:……………..……………………………………………………………

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Y Hải Phòng; Trường Đại học Y Thái Bình; Học Viện Quân Y; Trường Đại học Y Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ………………năm ……………..…………………………………

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……………..……………………………………..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học Viện Y Dược Học cổ truyền Việt Nam; Trường Đại học Y Dược Thái Bình

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 11 tháng 9 năm 1990, ngành:Y khoa , chuyên ngành: đa khoa

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước):Trường Đại học Y Huế.

- Được cấp bằng TS ngày 18 tháng 03 năm 2003, ngành: Y học , chuyên ngành: Tai Mũi Họng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội.

- Được cấp bằng TSKH ngày … tháng … năm ..., ngành: ……….., chuyên ngành: ………

……………………………………………..………………………………………..……….

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): ……………………………………………..…………

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 12… tháng …12…. năm 2012,

ngành: …Y Học……………………………..………………………………………..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược Thái Bình

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Nghiên cứu về các dị tật nang và rò mang bẩm sinh vùng cổ. Đây là một dị tật bẩm sinh, về hướng nghiên cứu này, chúng tôi đã có những đóng góp về phân loại các loại rò mang, đặc biệt là loại rò túi mang IV mà trước đây chưa định danh được ở Việt Nam (các nhà lâm sàng chỉ gọi chung là rò xoang lê), qua đó đã chứng tỏ bệnh lý rò túi mang IV không phải là bệnh hiếm gặp ở Việt Nam. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu về các bất thường về gen gây bệnh và nghiên cứu các phương pháp phẫu thuật lấy bỏ đường rò nhằm hạn chế tái phát.

-Nghiên cứu điều trị bằng phẫu thuật kết hợp đa hóa trị liệu cho các khối u lympho không Hodgkin ngoài hạch nguyên phát vùng đầu cổ. Đây là một hướng điều trị mới, mang lại kết quả khả quan (từ trước đến nay chỉ dùng hóa trị đơn thuần). Nghiên cứu này đã được báo cáo tại các Hội nghị Tai Mũi Họng toàn quốc và Hội nghị Tai Mũi Họng các nước Asean năm 2007, đã được đánh giá cao. Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu về vai trò của virus trong bệnh sinh của u lympho không Hodgkin vùng đầu cổ, đặc biệt là vai trò của EBV (Epstein-Barr virus).

-Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật cắt bán phần thanh quản vào điều trị ung thư thanh quản ở Việt Nam. Nghiên cứu có ý nghĩa về mặt nhân đạo, đã giúp hàng trăm bệnh nhân không phải chịu phẫu thuật cắt bỏ toàn bộ thanh quản, mất chức năng phát âm, mất giao tiếp xã hội, ảnh hưởng đến chất lượng sống. Chúng tôi tiếp tục nghiên cứu áp dụng kỹ thuật cắt bán phần kiểu Tucker có cải tiến phù hợp với bệnh nhân Việt Nam, bên cạnh đó chúng tôi đang tiếp tục nghiên cứu ứng dụng Laser phẫu thuật, để điều trị cho bệnh nhân ung thư thanh quản giai đoạn sớm. Hướng nghiên cứu này đã được Bộ y tế tuyển chọn làm đề tài cấp Bộ.

-Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi lấy khối u xơ mạch vòm mũi họng có nút mạch chọn lọc trước mổ, đây là một bước cách mạng trong điều trị khối u này, trước đây phải phẫu thuật bằng đường ngoài, ảnh hưởng đến chức năng, thẩm mỷ, tỷ lệ tái phát cao. Hướng nghiên cứu tiếp theo là nghiên cứu ứng dụng phương pháp này cho các khối u giai đoạn muộn hơn: giai đoạn III, IV.

- Nghiên cứu phát hiện và phân tích gen virus EBV (Epstein-Barr virus) có trong mẫu sinh thiết ung thư vòm mũi họng, qua đó sản xuất bộ sinh phẩm chẩn đoán sớm nhiễm EBV. Đây là nghiên cứu thuộc đề tài cấp nhà nước, đã được nghiệm thu.

-Nghiên cứu về virus HPV (human papilloma virus) trong mẫu sinh thiết u nhú mũi xoang, bước đầu đã phân lập được virus HPV. Nghiên cứu tiếp tục theo hướng giải trình tự gen virus HPV gây bệnh, làm cơ sở cho sản xuất vaccine phòng bệnh.

-Nghiên cứu các đặc điểm bệnh học, chẩn đoán hình ảnh u nhầy xoang trán-sàng và ứng dụng phẫu thuật nội soi trong điều trị, ưu điểm của phẫu thuật nội soi là có thể phẫu thuật được các khối u nhầy lan vào nội sọ, đảm bảo thẩm mỹ và ít tái phát.

-Nghiên cứu vai trò của virus EBV và HBV trong ung thư vùng đầu cổ, nhất là đối với ung thư biểu mô vảy vùng họng miệng.

-Tiếp tục hướng nghiên cứu sử dụng các phẫu thuật xâm lấn tối thiểu trong điều trị ung thư đầu cổ như ung thư thanh quản và ung thư hạ họng, hạn chế ảnh hưởng tối đa đến chức năng của các cơ quan như thanh quản, họng… làm chất lượng phẫu thuật được nâng cao, chất lượng sống tốt hơn, phù hợp với xu thế của các nước tiên tiến trên thế giới.

-Nghiên cứu về ứng dụng kỹ thuật mới trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý rối loạn tiền đình, đặc biệt các nguyên nhân liên quan đến tai trong và tiền đình ngoại biên

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ...... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 2. Cấp Bộ và Cấp Nhà Nước (CN đề tài nhánh).;

- Đã công bố (số lượng) ……… bài báo KH, trong đó …….. bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) ……… bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 04, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: ……….

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen Bộ trưởng, Thầy thuốc ưu tú.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không……………………………………………….

**B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: ………………………………...

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):

- Tổng số 15 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm học** | **Số lượng NCS đã hướng dẫn** | | **Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn** | **Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD** | **Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp** | | **Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức** |
| **Chính** | **Phụ** | **ĐH** | **SĐH** |
| 1 | 2009-2010 |  |  | 1 |  | 42,4 | 60 | 102,4 |
| 2 | 2010-1011 |  |  | 1 |  | 90,4 | 106 | 196,4 |
| 3 | 2011-2012 |  |  | 1 |  | 80,8 | 128 | 208,8 |
| 3 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2017-2018 | 2 |  | 2 |  | 129 | 64 | 72+68=140 |
| 5 | 2018-2019 |  |  | 3 |  | 190 | 40 | 107+44=151 |
| 6 | 2019-2020 |  |  | 2 |  | 128 | 32 | 130+40=170 |

*(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số*[*64/2008/QĐ-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-64-2008-qd-bgddt-quy-dinh-che-do-lam-viec-doi-voi-giang-vien-82446.aspx)*ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số*[*36/2010/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-36-2010-tt-bgddt-sua-doi-quy-dinh-che-do-lam-viec-giang-vien-115835.aspx)*ngày 15/12/2010 và Thông tư số*[*18/2012/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-18-2012-tt-bgddt-che-do-lam-viec-giang-vien-nganh-nghe-thuat-140030.aspx)*ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

*- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, Pháp.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: ………………………….…..; Từ năm …… đến năm ………

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: ………. năm……

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: …….số bằng: …….…; năm cấp:………

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:………………………………………………………………...

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ……………………….…………………………….

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: ……………………...………………………………….

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B1

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT** | **Đối tượng** | | **Trách nhiệm hướng dẫn** | | **Thời gian hướng dẫn từ … đến …** | **Cơ sở đào tạo** | **Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng** |
| **NCS** | **HVCH/CK2/BSNT** | **Chính** | **Phụ** |
| 1 | Nguyễn Quang Hùng | x |  | x |  | 2012-2016 | Trường Đại Học Y Thái Bình | 3/10/2016 |
| 2 | Đinh Viết Tuyên | x |  | x |  | 2014-2018 | Viện Vệ Sinh Dịch Tể TW | 2018 |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sách** | **Loại sách (CK, GT, TK, HD)** | **Nhà xuất bản và năm xuất bản** | **Số tác giả** | **Chủ biên** | **Phần biên soạn (từ trang … đến trang)** | **Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)** |
| 1 | Đặc điểm bệnh học nang và rò mang bẩm sinh vùng cổ | TK | 2012 | 1 | CB |  | Trường Đại học Y Thái Bình; Trường Đại học Y Hải Phòng |
| 2 | Bệnh học u nang và rò giáp lưỡi | TK | 2012 | 2 | CB | (7-55;63-110) | Trường Đại học Y Thái Bình; Trường Đại học Y Hải Phòng |
| 3 | Bài Giảng Tai Mũi Họng | GT | 2018 | 5 |  |  | Đại Học Quóc Gia Hà Nội |
| 4 | Phẫu thuật bảo tồn điều trị ung thư thanh quản | CK | 2020 | 1 | CB |  | Trường Đại học Y Thái Bình |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: ……………….

………………………………………………………………………………………….…...

***Lưu ý:***

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

**- Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)** | **CN/PCN/TK** | **Mã số và cấp quản lý** | **Thời gian thực hiện** | **Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ** |
| 1 | Bước đầu đánh giá kết quả phẫu thuật u tuyến mang tai và biến chứng tại Bệnh viện Tai Mũi Họng trung ương | CN | Cơ sở | 2007-2010 | 12/5/2010  Đạt |
| 2 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, phân loại mô bệnh học u tuyến nước bọt | CN | Cơ sở | 2009-2010 | 12/5/2010  Đạt |
| ... | Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị u nhầy trán sàng | CN | Cơ sở | 2010-1012 | 18/6/2012  Xuất sắc |
|  | Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi điều trị u xơ mạch vòm mũi họng tại Bệnh viện Tai Mũi Họng trung ương | CN | Cơ sở | 2011-2012 | 18/6/2012  Xuất sắc |
|  | Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc phân tử virus Epstein-Barr và quy trình sản xuất bộ sinh phẩm chẩn đoán | PCN | NN | 2009-2011 | 2011. Đạt |
|  | Sau bổ nhiệm chức danh PGS | | | | |
|  | Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến điều trị một số bệnh tai mũi họng | CN đề tài nhánh: Nghiên cứu xây dựng quy trình PTNS có sử dụng định vị điều trị các bệnh lý u xoang sàng bướm | NN | 1/2014-12/2015 | 2016  Đạt |
|  | Nghiên cứu ứng dụng Laser điều trị ung thư thanh quản tầng thanh môn giai đoạn T1 T2 | CN | CB | 2013-2015 | 2015  Đạt |

***Lưu ý:***

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

**- Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài báo/báo cáo KH** | **Số tác giả** | **Là tác giả chính** | **Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN** | **Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)** | **Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)** | **Tập, số, trang** | **Năm công bố** |
|  | Nghiên cứu đặc điểm mô bệnh học-lâm sàng u lympho không hodgkin nguyên phát ngoài hạch vùng đầu cổ | 1 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 390  2  12-16 | 2012 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm bệnh lý u nhầy xoang trán sàng trên chụp cắt lớp vi tính | 1 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 390  1  66-70 | 2012 |
|  | Kết quả phẫu thuật u tuyến mang tai và các biến chứng phẫu thuật | 2 | x | Tạp chí Y dược học quân sự |  |  | 36  1  153-157 | 2011 |
|  | Nghiên cứu lâm sàng và phẫu thuật điều trị ung thư thanh quản tại BV TMH TƯ | 1 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 390  2  53-57 | 2012 |
|  | Nghiên cứu mô bệnh học-lâm sàng u tuyến nước bọt | 1 | x | Tạp chí Y dược học quân sự |  |  | 37  2  149-152 | 2012 |
|  | Đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và kết quả điều trị đa hóa trị u lympho không hodgkin ngoài hạch nguyên phát vùng đầu cổ | 1 | x | Tạp chí Y học thực hành |  |  | 814  3  8-10 | 2012 |
|  | Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật cắt bán phần thanh quản Tucker trong điều tri ung thư thanh quản | 1 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 392  1  43-46 | 2012 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm tổn thương trên phim chụp cắt lớp vi tính các khối u khoang quanh họng. | 2 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 392  1  5-10 | 2012 |
|  | Nghiên cứu biến chứng do nạo vét hạch cổ ở bệnh nhân ung thư thanh quản | 3 |  | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 381  2  48-51 | 2011 |
|  | Study on clinical features and and primary results of surgical management of pyriform sinus fistulae **(**The fourth branchial pouch sinus) | 1 | x | Revue medicale |  |  | 1  12-18 | 2012 |
|  | Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi điều trị u nhú mũi xoang | 2 |  | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 392  2  52-57 | 2012 |
|  | Tìm hiểu một số yếu tố làm phẫu thuật rò xoang lê thất bại | 1 | x | Tạp chí Tai Mũi Họng VN |  |  | 56-5  3  15-21 | 2011 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học u nang và rò giáp lưỡi | 1 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 393  2  11-15 | 2012 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm mô bệnh học và đường phẫu thuật các khối u khoang quanh họng | 2 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 393  1  64-67 | 2012 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm bệnh học lâm sàng rò khe mang II | 1 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 391  1  26-30 | 2012 |
|  | Nghiên cứu sự có mặt của virus EBV trong mô sinh thiết ung thư vòm mũi họng ở VN bằng PCR đặc hiệu của gen EBNA-1 | 7 |  | Tạp chí Tai Mũi Họng VN |  |  | 55  1  11-19 | 2010 |
|  | Nghiên cứu cấu trúc gen LMP1 của các chủng virus EBV gây ung thư vòm mũi họng ở VN | 7 |  | Tạp chí Tai Mũi Họng VN |  |  | 55  1  20-28 | 2010 |
|  | Sử dụng phương pháp Real-time PCR phát hiện sự có mặt của HPV trong mô sinh thiết u nhú mũi xoang | 3 |  | Tạp chí Tai Mũi Họng VN |  |  | 8  2  53-58 | 2012 |
|  | The fourth branchial pouch sinus | 1 | x | Kỷ Yếu Hội nghị TMH quốc tế Asean lần thứ 11 |  |  | 118 | 2005 |
|  | Primary extranodal non Hodgkin lymphoma of head and neck | 6 | x | Kỷ Yếu Hội nghị TMH quốc tế Asean, lần thứ 12 |  |  | 67 | 2007 |
|  | Endoscopic surgery for Juvenile Nasopharyngeal angiofibroma at the national ENT Hospital, Hà Nội | 4 |  | Kỷ Yếu Hội nghị TMH quốc tế Asean, lần thứ 12 |  |  | 110 | 2007 |
|  | Supracricoid partial laryngectomy in the treatment of laryngeal cancer | 4 | x | Kỷ Yếu Hội nghị TMH quốc tế Asean, lần thứ 12 |  |  | 134 | 2007 |
|  | Clinical features of branchial cyst and fistula | 1 | x | Kỷ Yếu Hội nghị TMH quốc tế Asean lần thứ 13. |  |  | 57 | 2009 |
|  | Đánh giá kết quả điều trị u xơ mạch vòm mũi họng bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện tai mũi họng trung ương | 2 |  | Tạp chí Y học thực hành |  |  | 816  4  26-28 | 2012 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi của u nhầy trán sàng | 2 | x | Tạp chí Tai Mũi Họng VN |  |  | 56-6  4  3-11 | 2011 |
|  | Nghiên cứu hình thái cấu trúc ống rò túi mang IV. | 1 | x | Tạp chí Y học thực hành |  |  | 813  3  92-95 | 2012 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng u tuyến nước bọt | 2 | X | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 391  1  4-8 | 2012 |
|  | Chẩn đóan và điều trị nang và rò mang bẩm sinh vùng cổ bên | 1 | x | Tạp chí Y học thực hành |  |  | 810  3  46-49 | 2012 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng ung thư hạ họng tại Bệnh viện tai mũi họng trung ương | 2 | x | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 392  2  4-8 | 2012 |
|  | Đánh giá vai trò nút mạch trước phẫu thuật nội soi u xơ mạch vòm mũi họng | 2 | X | Tạp chí Tai Mũi Họng VN |  |  | 57-7  1  48-56 | 2012 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học u tuyến mang tai | 2 |  | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 393  2  75-78 | 2012 |
|  | Nghiên cứuđối chiếu đặc điểm tổn thương thực thể trên lâm sàng với chụp cắt lớp vi tính ung thư hạ họng | 2 |  | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 393  1  4-7 | 2012 |
|  | Lựa chọn đường phẫu thuật khối u hỗn hợp tuyến nước bọt khoang bên họng. | 2 | x | Tạp chí Tai Mũi Họng VN |  |  | 57-8  2  75-80 | 2012 |
|  | Nghiên cứu biến chứng nạo vét hạch cổ ở bệnh nhân ung thư thanh quản | 3 |  | Tạp chí Y học thực hành |  |  | 777  8  58-60 | 2011 |
|  | Nghiên cứu phương pháp điều trị phẫu thuật u nang và rò giáp lưỡi | 2 | x | Tạp chí Tai Mũi Họng VN |  |  | 57-7  1  17-23 | 2012 |
|  | Chẩn đoán và điều trị u nhầy xoang trán sàng | 2 | x | Tạp chí Y Dược Lâm sàng 108 |  |  | 7  3  102-105 | 2012 |
|  | Tình hình nạo vét hạch cổ ở bệnh nhân ung thư thanh quản | 3 |  | Tạp chí Y Học thực hành |  |  | 791  11  6-8 | 2011 |
|  | Chỉnh hình tai giữa trên hốc mổ tiệt căn xương chũm | 2 |  | Tạp chí Y Học Việt Nam |  |  | 393  2  32-34 | 2012 |
|  | Đánh giá kết quả tạo hình tường thượng nhĩ | 2 | x | Tạp chí Y Dược Lâm sàng 108 |  |  | 7  2  97-101 | 2012 |
|  | Cắt một phần thanh quản hạ họng có tạo hình trong điều trị các khối u vùng thanh quản hạ họng | 5 |  | Kỷ yếu Hội nghị khoa học ngành TMH |  |  | 99-104 | 2006 |
|  | Parotidectomie des tumeurs parotidiennes | 5 |  | Hội nghị Tai Mũi Họng Pháp-Việt |  |  | 12 | 2007 |
|  | Đặc điểm nang dạng amiđan vùng cổ | 1 | x | Tạp chí Y học thực hành |  |  | 813  3  8-10 | 2012 |
|  | Đặc điểm lâm sàng và điều trị phẫu thuật liệt cơ mở thanh quản hai bên | 1 | x | Tạp chí Thông tin y dược |  |  | 2  28-31 | 2012 |
|  | Đặc điểm rò khe mang II qua 15 trường hợp phẫu thuật tại Khoa B1 Bệnh viện TMH trung ương | 3 | x | Kỷ yếu công trình Hội nghị ngành TMH kỷ niệm 35 năm thành lập BV TMH trung ương |  |  | 127-131 | 2004 |
|  | Ung thư thanh quản và hạ họng (Tổng kết 1030 bệnh nhân của 54 năm 1955 đến 2008) tại BV Tai Mũi Họng trung ương | 4 |  | Tạp chí Tai Mũi Họng |  |  | 2+3  Đặc biệt  30-36 | 2009 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và kết quả đáp ứng điều trị gần của u lympho không Hodgkin ngoài hạch vùng đầu cổ từ tháng 1 năm 2005 đến tháng 11 năm 2009 | 4 |  | Tạp chí Tai Mũi Họng |  |  | 2  12-19 | 2010 |
|  | Phẫu thuật nội soi u xơ mạch vòm mũi họng | 4 |  | Tạp chí Tai Mũi Họng |  |  | Đặc biệt  39-45 | 2007 |
|  | Một số nhận xét lâm sàng và cận lâm sàng u lympho không Hodgkin nguyên phát ngoài hạch vùng đầu cổ, bước đầu đánh giá kết quả điều trị. | 5 |  | Tạp chí Tai Mũi Họng |  |  | 4  27-31 | 2005 |
|  | Phân tích những thuộc tính âm học ở những người Việt Nam nói giọng thực quản | 6 |  | Kỷ yếu công trình Hội nghị khoa học ngành TMH |  |  | 139-145 | 2006 |
|  | Một số tiến bộ về điều trị ung thư thanh quản tại khoa khối u BV Tai Mũi Họng trung ương | 9 |  | Kỷ yếu công trình Hội nghị ngành TMH kỷ niệm 35 năm thành lập BV TMH trung ương |  |  | 83-94 | 2004 |
|  | Nghiên cứu ứng dụng Laser diode trong điều trị một số bệnh lý tai mũi họng ngoại trú | 2 |  | Kỷ yếu công trình Hội nghị Tai Mũi Họng toàn quốc 2012 |  |  | 70-73 | 2012 |
|  | Nhân 1 trường hợp u bạch mạch vùng cổ | 4 |  | Kỷ yếu công trình Hội nghị khoa học ngành TMH |  |  | 123-126 | 2006 |
|  | U máu khoang bên họng | 5 |  | Kỷ yếu công trình Hội nghị khoa học ngành TMH |  |  | 134-138 | 2006 |
|  | U máu hạ họng thanh quản ở người lớn | 4 |  | Kỷ yếu công trình Hội nghị khoa học ngành TMH |  |  | 127-133 | 2006 |
|  | S.Pneumoniae kháng Penicilline và những thách thức trong điều trị bệnh nhiễm trùng tai mũi họng | 2 | x | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam |  |  | 57-7  1  74-77 | 2012 |
|  | Chẩn đoán và điều trị phẫu thuật rò túi nội mang IV (rò xoang lê) | 3 |  | Tạp chí nghiên cứu Y học. |  |  | 13.3. 3-8  3  3-8 | 2000 |
|  | La laryngectomie frontale antérieure reconstructive de Tucker a propos de 34 cas | 1 |  | Mémoire-Khoa Y-Đại học Rennes I |  |  |  | 1998 |
|  | Một số đặc điểm bệnh học rò mang bẩm sinh vùng bên cổ. Nhận xét qua 24 trường hợp | 2 |  | Tạp chí nghiên cứu Y học. |  |  | 10  2  10-14 | 1999 |
|  | Nghiên cứu hình thái cấu trúc đường rò cung mang | 3 |  | Hình Thái học |  |  | 10  Đặc biệt  123 | 2000 |
|  | Nhân 4 trường hợp nối khí quản tận-tận trong điều trị sẹo hẹp khí quản | 5 |  | Nội san Tai Mũi Họng  Chào mừng 30 năm thành lập Viện Tai Mũi Họng |  |  | 2  1-3 | 1999 |
| Sau bổ nhiệm chức danh PGS | | | | | | | | |
|  | Study of the Features of Systemic Diziness in Patients withChronic and Reccurent Migraine | 7 | x |  | Genetics and Molecular Research |  | GMR Especial Medecine-2020 | 2020 |
|  | Một số yếu tố liên quan tới tình trạng tăng acide uric huyết thanh ở người 25-64 tuổi tại 2 xã thuần nông thuộc tỉnh Thái Bình năm 2019 | 4 |  |  | Tạp chí dinh dưỡng và thực phẩm |  | Tập 16, số 2 tr 86-92 | 2020 |
|  | Tình trạng tăng acide uric huyết thanh ở người 25-64 tuổi tại 2 xã thuần nông thuộc tỉnh Thái Bình năm 2019 | 4 |  |  | Tạp chí dinh dưỡng và thực phẩm |  | Tập 16, số 2 tr 79-85 | 2020 |
|  | Pathogenesis of Eosinophilic vs. Non-Eosinophilic CRSwNP inVietnamese | 7 | x |  | Genetics and Molecular Research |  | GMR Especial Medecine-2020 | 2020 |
|  | Use of Transoral Co2 Laser Microsurgery for Treatment ofCancerous Neoplasms of the Larynx in Vietnam | 7 | x |  | Genetics and Molecular Research |  | GMR Especial Medecine-2020 | 2020 |
|  | Epidemiology of head and neck cancer in Asia | 1 | X |  | IFOS World course on hearing rehabilitation and on head and neck |  |  | 2020 |
|  | The outcome of supracricoid partial laryngectomy with epiglottoplasty | 2 | x |  | IFOS World course on hearing rehabilitation and on head and neck |  |  | 2020 |
|  | Collation of EGFR (Her1) Expression with Clinical Features inSinonasal Squamous Cell Carcinoma | 7 | x |  | Genetics and Molecular Research |  | GMR Especial Medecine-2020 | 2020 |
|  | Study Pathology and Immunohistochemistry Stain of theCervical Lymph Nodes Metastasis in NasopharyngealCarcinoma | 7 | x |  | Genetics and Molecular Research |  | GMR Especial Medecine-2020 | 2020 |
|  | Chir. par laser CO2 transoral dans le traitement de cancer du larynx au stade precoce | 3 | x |  | 5 eme Congres Franco-Vietnamien de L’Amphore |  |  | 2016 |
|  | CO2 Laser Laryngeal microsurgery for early glottic carcinoma | 4 | x |  | 16 th Asean ORL-HNS Congress |  |  | 2015 |
|  | Establishment of utrasensitive PCR assay targeting cell-free EBV DNA for early detection of nasopharyngeal carcinoma. | 10 |  |  | Vietnam Journal of Science Technology and Engineering. Sep 2017 Vol57, N 3 |  | Sep 2017 Vol57, N 3 | 2017 |
|  | Establishing a Healthcare Research Network in Vietnam: A platform for collaborative quality improvement | 11 |  |  | Translation Health Science. The 7 th international Conference in Vietnam on the Development of Biomedical Engineering |  | BME7 in Vietnam, IFMBE Proceedings 2018 621-626 | 2018 |
|  | Longitudinal evaluation of quality of life in Laryngeal Cancer patients treated with surgery | 6 |  |  | International Journal of Surgery |  | *nternational Journal of Surgery 58 (2018) 65–70* | 2018 |
|  | Situation of hearing loss among children aged 2 to 5 at kindergatens in Hai Duong province, Vietnam | 5 |  |  | Sys Rev Pharm  A multifaceted review journal in the field of pharmacy |  | *10(1) 179-183* | 2019 |
|  | Some associated factors inhearing loss among children aged 2 - 5 in kindergatens in Hai Duong province, Vietnam | 5 |  |  | A multifaceted review journal in the field of pharmacy |  | *10(2) 22-26* | 2019 |
|  | Prevalence of Allergic Rhinitis and Individual Prevention Practices Among Textile Workers in Vietnam | 15 |  |  | Global Journal of Health Science; |  | Vol. 10, No. 7; 2018 | 2018 |
|  | Bước đầu đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi xâm lấn tối thiểu qua đường miệng điều trị ung thư hạ họng giai đoạn sớm | 5 | X |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam |  | Vol (62-37), N 3, Oct , 2017. | 2017 |
|  | Đánh giá mối liên quan giữa đột biến gen BRAF V600E với một số đặc điểm lâm sàng của ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú | 3 |  |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam. |  | Vol (64-45), N 3, Oct , 2019 | 2019 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cắt lớp vi tính và mô bệnh học các tổn thương xoang một bên | 2 |  |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam. |  | Vol (64-45), N 3, Oct , 2019. | 2019 |
|  | Khảo sát một số đặc điểm lâm sàng của viêm mũi xoang mạn tính polyp mũi có và không có eosinophil | 3 |  |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam, |  | Vol (64-43), N 1, March , 2019 | 2019 |
|  | Nghiên cứu sàng lọc phát hiện sớm ung thư vòm mũi họng bằng xét nghiệm định lượng DNA EBV trong máu | 10 |  |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam, |  | Vol (63-39), N 1, March , 2018 | 2018 |
|  | Đặc điểm u nhầy xoang trán sàng bướm và tổn thương ổ mắt trên chụp cắt lớp vi tính | 2 |  |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam, |  | Vol (63-39), N 1, March , 2018 | 2018 |
|  | Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt thanh quản bán phần trên nhẫn tạo hình kiểu Tucker | 2 |  |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam, |  | Vol (63-40), N 2, July, 2018. | 2018 |
|  | Cốt tủy viêm nền sọ không điển hình: ca bệnh với nhiều tổn thương dễ gây chẩn đoán nhầm | 3 |  |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam, |  | Vol (63-38), N 4, Dec, 2017. | 2017 |
|  | Phẫu thuật nội soi qua mũi điều trị các khối u mũi xoang xâm lấn nền sọ trước tai trung tâm ung bướu và PT đầu cổ. BV TMH TU | 3 |  |  | Tạp chí Tai Mũi Họng Việt Nam, |  | Vol (62-37), N 3, Oct, 2017. | 2017 |
|  | Thực trạng bệnh viêm mũi xoang công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng nằm 2004 và một số yếu tố liên quan | 4 |  |  | Tạp chí Y học thực hành. |  | 997, tr 132-35. 2015 | 2015 |
|  | Hiệu quả phương pháp rửa mũi trên bệnh nhân viêm mũi xoang mạn tính tại nhà máy xi măng Hải Phòng năm 2014-2015. | 2 |  |  | Tạp chí Y Học Việt Nam |  | tháng 11 số đặc biệt, tập 436, tr 63-66, 2015. | 2015 |
|  | Môi trường lao động và thực trạng bệnh viêm mũi xoang mạn tính công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng năm 2013. | 2 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam. |  | Vol (60-28), số 4, 83-89, Oct, 2015 | 2015 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng viêm mũi xoang dị ứng có polyp mũi trên bệnh nhân hen phế quản tại BV TMH TU. | 4 |  |  | Tạp chi Y học thực hành, |  | 10 (1113). 2019. | 2019 |
|  | Đánh giá kết quả điều trị ung thư tầng thanh môn bằng phẫu thuật laser Co2 qua đường miệng | 2 |  |  | Tạp chi Y học thực hành, |  | 10 (1111). 2019. | 2019 |
|  | Thực trạng môi trường lao động và bệnh viêm mũi dị ứng ở công nhân một số nhà máy dệt may Nghệ An năm 2006 | 4 |  |  | Tạp chí Y học Dự phòng. Vol 27, N9, 2017 |  | Vol 27, N9, 2017 | 2017 |
|  | Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh viêm mũi dị ứng ở công nhân một số nhà máy dệt may Nghệ An năm 2006. | 4 |  |  | Tạp chí Y học Dự phòng. |  | Vol 27, N9, 2017 | 2017 |
|  | Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt thanh quản bán phần trên nhẫn tạo hình kiểu Tucker | 5 |  |  | Tạp chí Y Dược lâm sàng 108. |  | Tập 13 Số đặc biệt 10/2018. | 2018 |
|  | Nghiên cứu ứng dụng vi phẫu thuật thanh quản laser Co2 trong điều trị ung thư thanh quản giai đoạn sớm | 4 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (58-18),số 1, 61-63, 2014.. | 2014 |
|  | Đánh giá kết quả cắt Amidan bằng Laser Co2 | 4 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (59-19),số 6, 60-863, 2013. | 2013 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và ứng dụng phẫu thuật nội soi điều trị u nhú mũi xoang | 4 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam . |  | Vol (59-20),số 2, 54-61, 2014 | 2014 |
|  | Bước đầu đánh giá kết quả quy trình phẫu thuật nội soi trong điều trị u nhú mũi xoang | 5 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam Vol (59-21),số 3, 51-57, 2014. |  | Vol (59-21),số 3, 51-57, 2014. | 2014 |
|  | Nghiên cứu ứng dụng vi phẫu thuật thanh quản Laser Co2 trong điều trị ung thư thanh quản giai đoạn sớm | 8 |  |  | Tạp chí ung thư học Việt Nam |  | Số 1-2014 | 2014 |
|  | Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi có sử dụng định vị cắt bỏ khối u mũi xoang | 5 | X |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (59-22),số 4, 47-53, 2014. | 2014 |
|  | Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi có sử dụng định vị lấy bỏ khối u mũi xoang | 5 | X |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (60-25),số 1, 60-63, Feb, 2015. | 2015 |
|  | Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt tahnh quản bán phần kiểu Tucker trong điều trị ung thư thanh quản tại BV tai Mũi Họng trung ương. | 2 | X |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam . |  | Vol (60-25),số 1, 73-76, Feb, 2015 | 2015 |
|  | Nghiên cứu ứng dụng vi phẫu thuật thanh quản laser Co2 trong điều trị ung thư thanh quản giai đoạn sớm | 5 | X |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam Vol (60-25),số 1, 27-31, Feb 2015. |  | Vol (60-25),số 1, 27-31, Feb 2015. | 2015 |
|  | Bước đầu ứng dụng hình ảnh dẫn đường trong phẫu thuật nội soi điều trị u ác tính mũi xoang | 4 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (60-28),số 4, 48-53, Oct 2015 | 2015 |
|  | Phẫu thuật cắt u máu hạ họng-thanh quản qua nôi soi vi phẫu với dao siêu âm tại BV TMH trung ương | 3 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (60-30),số 6, 69-73, Dec 2015 | 2015 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm di căn hạch cổ của ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú tại BV TMH trung ương. | 4 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam . |  | Vol (61-31),số 1, 5-9, Feb 2016 | 2016 |
|  | Đối chiếu đặc điểm lâm sàng và PET/CT để chẩn đoán tái phát và theo dõi ung thư thanh quản hạ họng sau phẫu thuật | 2 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam Vol (61-31),số 1, 20-25, Feb 2016. |  | Vol (61-31),số 1, 20-25, Feb 2016. | 2016 |
|  | Đặc điểm lâm sàng u nhầy xoang trán sàng bướm. | 2 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (61-31),số 1, 69-73, Feb 2016 | 2016 |
|  | Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi sử dụng IGS điều trị u nhầy xoang trán sàng bướm. | 4 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (61-32),số 2, 37-43, April 2016 | 2016 |
|  | Đặc điểm tổn thương trên CT của u nhầy xoang trán sàng bướm. Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam | 5 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (61-32),số 2, 31-36, April 2016 | 2016 |
|  | Đánh giá đáp ứng của ung thư hạ họng giai đoạn muộn sau điều trị hóa chất dẫn đầu. | 4 |  |  | Tạp chí Tai mũi họng Việt Nam |  | Vol (61-34),số 4, 29-35, Dec 2016 | 2016 |
|  | Đánh giá hiệu quả 3 đường mổ cắt tuyến mang tai qua đường rạch sau tai | 3 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XII. 10/2018. |  |  | 2018 |
|  | Chất lượng cuộc sống của bệnh nhân ung thư thanh quản sau phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần | 4 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XIX. 10/2016. |  |  | 2016 |
|  | Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt thanh quản bán phần trên nhẫn | 2 |  |  | Tạp chí Y học thực hành |  | 1(994) | 2016 |
|  | Phẫu thuật nội soi tuyến giáp. | 4 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XVIII. 9/2015. |  |  | 2015 |
|  | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cắt lớp vi tính và đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi có định vị điều trị u nhầy xoang trán sàng bướm. | 4 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XIX. 10/2016. |  |  | 2016 |
|  | Đánh giá đáp ứng của ung thư hạ họng giai đoạn muộn sau điều trị hóa chất dẫn đầu | 6 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XIX 10/2016. |  |  | 2016 |
|  | Bước đầu áp dụng chẩn đoán hình ảnh dẫn đường trong phẫu thuật nội soi điều trị u ác tính mũi xoang. | 4 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XVIII 9/2015 |  |  | 2015 |
|  | Phẫu thuật nội soi xâm lấn tối thiểu qua đường miệng điều trị ung thư hạ họng giai đoạn sớm. | 4 | x |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XX 10/2017 |  |  | 2017 |
|  | Đặc đêỉm lâm sàng, chẩn đoán hinh ảnh và mô bệnh học của nang và rò khe mang II | 2 |  |  | Tạp chí y học thực hành |  | 1(1032)  2017 | 2017 |
|  | Nhận xét lâm sàng và kết quả điều trị liệt thần kinh thanh quản quặc ngược 2 bên tư thế khép sau phẫu thuật tuyến giáp | 2 |  |  | Tạp chí y học thực hành |  | 9(1057) | 2017 |
|  | Tìm hiểu đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và kết quả sớm phẫu thuật ung thư lưỡi tại BV Tai Mũi Họng TW | 2 |  |  | Tạp chí y học thực hành |  | 10(1083) | 2018 |
|  | Đánh giá mối liên quan giwuax đột biến gen BRAF V 600E với một số biểu hiện lâm sàng của ung thư biểu mô tuyến giáp thể nhú | 4 | x |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XXII 12/2019 |  |  | 2019 |
|  | Nghiên cứu xây dựng quy trình phẫu thuật nội soi treo sụn phễu điều trị liệt dây thanh 2 bên do thần kinh ở tư thế khép | 5 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XXII 12/2019 |  |  | 2019 |
|  | Điều trị u mũi xoang xâm lấn sàn sọ trước bằng phẫu thuật nội soi mũi xoang có hình ảnh dẫn đường | 5 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH và Phẫu thuật đầu cổ lần thứ XIX 10/2016. |  |  | 2016 |
|  | Phẫu thuật nội soi xâm lấn tối thiểu qua đường miệng điều trị ung thư hạ họng giai đoạn sớm | 5 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH TT Huế. 2018 |  |  | 2018 |
|  | Khảo sát đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi, cắt lớp vi tính của Viêm mũi xoang mạn polyp có tăng eosinophil ưu thế | 2 |  |  | Kỷ yếu Hội Nghị Khoa học TMH TT Huế. 2018 |  |  | 2018 |

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ƯV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05…………………

***Lưu ý***: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ƯV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ƯV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích** | **Tên cơ quan cấp** | **Ngày tháng năm cấp** | **Tác giả chính/ đồng tác giả** | **Số tác giả** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ……………………………………………

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giải thưởng** | **Cơ quan/tổ chức ra quyết định** | **Số quyết định và ngày, tháng, năm** | **Số tác giả** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ..……………………………………………………………………………

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích** | **Cơ quan/tổ chức công nhận** | **Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)** | **Cấp Quốc gia/Quốc tế** | **Số tác giả** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: ..…………………

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: ..…………………………………………………………………………………..…

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): …………………….

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ………………………

- Giờ giảng dạy  
+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): …………

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ………………………

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ….  
…………………………………………………………………………………………..

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: ……………………………………………………………………

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS)

V

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: …….  
 Chủ trì 1 đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước.

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ….  
 ……………………….……………………………………………………………………..

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……………………………………………………………………

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……………………………………………………….……………

*(\*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…Hà Nội , ngày29 tháng 06 năm 2020* **NGƯỜI ĐĂNG KÝ** (Ký và ghi rõ họ tên) |



LÊ MINH KỲ